

CÁC KIỂU TƯƠNG ĐƯƠNG DỊCH THUẬT NGỮ CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ THƯƠNG MẠI TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ THUÝ HẠNH*

Abstract: The present study attempts to investigate translation equivalence between English and Vietnamese business economics terminology. The corpus compiles of 915 English terms and their Vietnamese equivalence which are collected from dictionaries and textbooks in business economics. The findings reveal four different types of translation equivalence in terms of term structure: word-to-word equivalence, word-to-phrase equivalence, phrase-to-word equivalence, and phrase-to-phrase equivalence, of which English phrase-to-Vietnamese phrase equivalency has the largest proportion while English phrase-to-Vietnamese word equivalency has the smallest number. Regarding the number of equivalent terms in Vietnamese, the study has identified four subtypes of translation equivalence, with the 1-to-1 equivalency being the most salient. It is expected that the findings of the study will help business people, translators, learners, and teachers gain useful insight into the translation equivalence of business economics terms from English into Vietnamese, therefore they can convey information more accurately and effectively.

Keywords: *term translation; translation equivalence; business economics terms; English for Specific Purposes; Vietnamese for Specific Purposes*

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về thuật ngữ trên thế giới và ở Việt Nam đã trải qua các thời kì phát triển khác nhau trong gần thế kỉ qua với nhiều thành tựu rực rỡ về cả số lượng và chất lượng. Silaški [20] đã đối chiếu thực trạng sử dụng đặc ngữ Anh trong thuật ngữ kinh tế tiếng Serbia và Croatia, tập trung vào những điểm tương đồng và khác biệt trong thích ứng và điều chỉnh các đặc ngữ Anh trong hai ngôn ngữ này. Kết quả khảo sát khối ngữ liệu lớn - với gần 7.000 thuật ngữ kinh tế trong mỗi ngôn ngữ - cho thấy, hệ thuật ngữ kinh tế trong tiếng Croatia sử dụng nhiều đặc ngữ Anh hơn hẳn so với hệ thuật ngữ trong tiếng Serbia. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, nhiều thuật ngữ quốc tế và thuật ngữ ở Croatia tồn tại song song với nhau. Ngoài ra, trong những năm gần đây, có nhiều nghiên cứu theo hướng chuyển dịch thuật ngữ như tương đương dịch thuật các văn bản của Liên minh Châu Âu trong tiếng Anh và tiếng Slovak [14], dịch thuật ngữ trên các tài liệu kế toán từ tiếng Pháp sang Tây Ban Nha [16]. Một số nghiên cứu tìm hiểu tương đương dịch thuật ngữ hoặc các chiến lược dịch thuật ngữ được hình thành từ phương thức ẩn dụ hóa từ thông thường như Orčić & Gorčević [19], Silaški & Kilyeni [21], v.v... Các nghiên cứu về dịch thuật thuật ngữ đã chỉ ra các phương thức dịch thuật thuật ngữ, các kiểu tương đương dịch thuật cũng như các chiến lược nâng cao hiệu quả dịch thuật ngữ từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Như vậy, hướng nghiên cứu dịch thuật thuật ngữ đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, mang lại nhiều ứng dụng cao cho lĩnh vực dịch thuật.

Ở Việt Nam, mặc dù nghiên cứu về thuật ngữ có khởi đầu muộn hơn nhưng ngày càng nở rộ trong những năm gần đây với các công trình lí luận và ứng dụng về thuật ngữ thuộc các ngành khoa học khác nhau như kinh tế, y học, dầu khí, thời trang, xây dựng, du lịch, xã hội học, v.v... Các nghiên cứu về thuật ngữ chủ yếu tập trung các hướng nghiên cứu về đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh, các con đường hình thành thuật ngữ, chuẩn hóa thuật ngữ tiếng Việt. Bên cạnh đó, gần đây xuất hiện một số công trình nghiên cứu cách chuyển dịch thuật ngữ, trong đó nổi bật là một số nghiên cứu sau: Đỗ Thị Thu Nga [7] áp dụng lí thuyết đối chiếu vào chuyển dịch đơn vị ngôn ngữ, cụ thể là từ và ngữ nhằm

* TS, Trường Đại học Thương mại

tìm ra những điểm giống và khác nhau để chuyển dịch một cách chính xác thuật ngữ từ tiếng Anh sang những thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt thuộc chuyên ngành tài chính. Luận án phân tích đối chiếu chuyển dịch thuật ngữ tài chính Anh - Việt là từ và ngữ qua các bước: phân tích đối chiếu mô hình cấu tạo thuật ngữ tài chính Anh - Việt cấp độ từ và ngữ, phân tích đối chiếu chuyển dịch thuật ngữ tài chính Anh - Việt cấp độ từ và ngữ, đối chiếu phương thức định danh và đề xuất chuyển dịch hướng tới chuẩn hoá thuật ngữ tài chính tiếng Việt: đảm bảo thuật ngữ tài chính tiếng Việt có tính chính xác, tính hệ thống, tính quốc tế và tính dân tộc, loại bỏ những đặc trưng nào không cần thiết và không quan trọng với khái niệm của thuật ngữ, lựa chọn đặc điểm định danh có giá trị riêng biệt để cấu tạo thuật ngữ tài chính.

Trong công trình nghiên cứu về cách chuyển dịch thuật ngữ công tác xã hội tiếng Anh sang tiếng Việt, Võ Thị Mỹ Hạnh [4] đã xác định hai kiểu tương đương chủ yếu được sử dụng trong việc dịch thuật ngữ công tác xã hội, đó là: tương đương 1//1 và tương đương 1// > 1, trong đó có tương đương từ - từ; tương đương từ - ngữ; tương đương ngữ - từ và tương đương ngữ - ngữ. Xét về số lượng đơn vị cấu tạo thuật ngữ, kết quả cho thấy thuật ngữ công tác xã hội tiếng Anh và tiếng Việt có các mức tỉ lệ tương đương từ 1:1 đến 1:12. Trong đó, phổ biến nhất là mức tỉ lệ tương đương 1:1, 1:2, 1:3, 1:4, 1:5. Từ đó, công trình đã đưa ra một số đề xuất trong chuẩn hoá dịch thuật ngữ công tác xã hội từ tiếng Anh sang tiếng Việt, trong đó cần lưu ý chuẩn hoá chuyển dịch đối với các thuật ngữ không đảm bảo về mặt trật tự từ, các thuật ngữ chứa các yếu tố dư thừa không cần thiết, đề xuất chuẩn hóa chuyển dịch với các thuật ngữ vay mượn, các thuật ngữ là các cụm từ miêu tả, các thuật ngữ sai lệch nghĩa gốc, các thuật ngữ có nhiều biến thể dịch. Ngoài ra, một số nghiên cứu khác cũng tìm hiểu về các kiểu tương đương thuật ngữ trong một ngành khoa học cụ thể, như nghiên cứu về đặc điểm của thuật ngữ thủy sản tiếng Anh và các tương đương trong tiếng Việt của Nguyễn Đức Tú [10]; hay nghiên cứu về cách chuyển dịch thuật ngữ báo chí tiếng Anh sang tiếng Việt của Nguyễn Đức Đạo [1].

Nhìn chung, các nghiên cứu về dịch thuật thuật ngữ trên thế giới và ở Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định. Có thể thấy, các công trình nghiên cứu thuật ngữ hiện nay tập trung tìm hiểu về đặc điểm của hệ thuật ngữ khoa học cụ thể trong tiếng Việt; đối chiếu hệ thuật ngữ chuyên ngành giữa tiếng Việt với một ngôn ngữ khác như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, v.v... theo cách tiếp cận của ngôn ngữ học cấu trúc, với tiêu chí đối chiếu như như đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh, con đường hình thành thuật ngữ, nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hệ thuật ngữ tiếng Việt với hệ thuật ngữ tiếng nước ngoài trong lĩnh vực khoa học cụ thể. Bên cạnh đó, một số công trình hướng mục tiêu nghiên cứu vào việc chuẩn hoá thuật ngữ tiếng Việt hoặc nghiên cứu các phương thức dịch thuật ngữ, các kiểu tương đương dịch thuật ngữ từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt. Trái ngược với sự phát triển ấy, nghiên cứu về dịch thuật thuật ngữ kinh tế thương mại trong tiếng Anh và tiếng Việt hạn chế cả về số lượng và quy mô, và do đó cần nhiều đóng góp hơn vào các hướng nghiên cứu này. Chính vì vậy nghiên cứu này tập trung tìm hiểu các kiểu tương đương thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt, hi vọng có thể đóng góp cả về lí luận và thực tiễn cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, dịch thuật thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại.

2. Cơ sở lí luận về tương đương dịch thuật

2.1. Khái niệm tương đương trong dịch thuật

L' Homme [17] cho rằng tương đương là một quan hệ được thiết lập giữa các thuật ngữ thuộc các ngôn ngữ khác nhau. Khi xem xét từ cách tiếp cận dựa trên kiến thức, tương đương dịch là tập trung tìm kiếm các ký hiệu ngôn ngữ gắn nhãn cho cùng một khái niệm. Khi được xem xét từ góc độ từ vựng, ý nghĩa của các thuật ngữ là yếu tố quyết định kiểu tương đương dịch có thể có. Tuy nhiên, những trường hợp như bất tương đương, tương đương một phần, hay sự khác biệt về cấu trúc giữa các ngôn ngữ, v.v. có thể ngăn cản các nhà thuật ngữ học tìm ra kiểu tương đương thích hợp trong dịch thuật.

Catford [13] bàn đến “tương đương chất liệu văn bản” khi ông đưa ra quan niệm dịch là sự thay thế chất liệu văn bản ngôn ngữ gốc bằng chất liệu văn bản tương đương ở ngôn ngữ nhận. Nida [18] đưa ra hai hướng tiếp cận chính là tương đương hình thức và tương đương động. Theo ông tương đương hình thức là “tập trung vào hình thức và nội dung của thông điệp làm cho thông điệp ở ngôn ngữ đích tương xứng nhất với ngôn ngữ nguồn, có nhiều chú giải học thuật theo sát ngôn ngữ và phong tục của văn hóa nguồn”, còn tương đương động là “dựa trên nguyên lý hiệu quả tương đương, nghĩa là mối quan hệ của người đọc bản dịch và bản dịch phải gần như giống hệt mối quan hệ giữa người đọc nguyên tác và nguyên tác”. Trong khi đó, Baker [12] cho rằng “tương đương là cách phân loại hữu ích để mô tả và nghiên cứu dịch thuật, là khái niệm tận dụng để nghiên cứu dịch thuật và thực hành dịch thuật chứ không hẳn là đơn vị nào đó của khái niệm này trong lý thuyết dịch”.

Mặc dù, các quan điểm về tương đương dịch thuật hết sức đa dạng và là một vấn đề gây nhiều tranh cãi, nhưng để đảm bảo việc tương đương trong dịch thuật cần xây dựng các kiểu tương đương trong dịch thuật. Kết quả nghiên cứu chuyển dịch thuật ngữ góp phần xây dựng và phát triển thuật ngữ tiếng Việt [8].

2.2. Các kiểu tương đương dịch thuật

Hiện có nhiều cách phân loại tương đương dịch thuật khác nhau dựa trên những cơ sở khác nhau. Theo Nguyễn Hồng Côn [3], tương đương dịch thuật có thể bao gồm một hay nhiều bình diện tương đương khác nhau và chính điều này tạo nên sự khác biệt giữa một kiểu tương đương này với một kiểu tương đương khác. Tác giả phân loại 6 kiểu tương đương, bao gồm: tương đương hoàn toàn tuyệt đối, tương đương tương đối, tương đương ngữ pháp - ngữ nghĩa, tương đương ngữ pháp - ngữ dụng, tương đương ngữ nghĩa - ngữ dụng, và tương đương thuần ngữ dụng. Felber [15] chia tương đương dịch thuật ngữ thành bốn kiểu loại chính là: tương đương hoàn toàn, giao cắt nhau, bao chứa nhau và không tương đương.

Theo Lê Hùng Tiến [9] tổng kết thì có 4 cách phân loại tương đương dịch thuật phổ biến như sau: (1) *Tương đương dựa trên hình thức*: tương đương ở cấp độ từ, cấp độ câu và cấp độ văn bản; (2) *Tương đương dựa trên ý nghĩa*: tương đương biểu vật, biểu thái, dụng học và hình thức; (3) *Tương đương dựa trên chức năng*: tương đương động và tương đương hình thức; (4) *Tương đương dựa trên số lượng các phần tương đương*: tương đương một với một, tương đương một với nhiều hơn một, tương đương một với phần nhỏ hơn một, và bất tương đương. Theo Lê Hùng Tiến [9] thì, cách phân loại tương đương theo cách này hay được nói tới nhất và được ứng dụng nhiều khi nghiên cứu, đánh giá bản dịch và bản về dịch thuật. Dựa trên số lượng các phần tương đương, tác giả đã chỉ ra các hình thức tương đương bao gồm: (i) *Tương đương một - một*: Là kiểu tương đương trong đó một diễn đạt ở ngôn ngữ nguồn chỉ tương đương với một diễn đạt ở ngôn ngữ đích, hiện tượng này thường xảy ra ở các hệ thống thuật ngữ; (ii) *Tương đương một đối với nhiều hơn một*: Là kiểu tương đương trong đó một diễn đạt ở ngôn ngữ nguồn có thể có nhiều hơn một diễn đạt tương đương ở ngôn ngữ đích; (iii) *Tương đương một với một bộ phận nhỏ hơn một*: Là kiểu tương đương trong đó một diễn đạt ở ngôn ngữ nguồn có nhiều nét nghĩa, mà ở ngôn ngữ đích chỉ chỉ tìm được tương đương với một trong các nét nghĩa đó; và (iv) *Bất tương đương*: Là kiểu tương đương trong đó, do sự bất tương đồng ngôn ngữ và văn hóa, một diễn đạt ở ngôn ngữ nguồn không tìm được diễn đạt tương đương ở ngôn ngữ đích.

2.3. Khái niệm thuật ngữ kinh tế thương mại

Kinh tế thương mại được định nghĩa “là một hoạt động bao gồm tất cả các hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ” Sinclair [22, tr.298]. Kinh tế thương mại đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Hoạt động kinh tế thương mại là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng trong chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội. Do đó, việc hiểu và sử dụng đúng thuật ngữ kinh tế thương mại đóng vai trò quan trọng.

Thuật ngữ kinh tế thương mại là những *từ* và *cụm từ* cố định được sử dụng trong ngữ cảnh và diễn ngôn thương mại, biểu đạt các khái niệm thuộc các phạm trù nội dung cơ bản trong lĩnh vực thương mại [6]. Thuật ngữ kinh tế thương mại có thể được xác định dựa vào 03 tiêu chí: *tiêu chí về hình thức*, *tiêu chí về phạm vi sử dụng* và *tiêu chí nội dung* [5].

- *Tiêu chí về hình thức*: Các thuật ngữ được lựa chọn khảo sát có cấu tạo là *từ*, và *cụm từ* định danh tức là *cụm từ* được từ vựng hoá hay còn gọi là *ngữ*, đáp ứng các tiêu chuẩn cần và đủ của thuật ngữ khoa học (ngắn gọn, chính xác, hệ thống), có nghĩa là các từ vựng có cấu tạo dài dòng, mang tính giải thích sẽ không được lựa chọn.

- *Tiêu chí về phạm vi sử dụng*: Các thuật ngữ được chúng tôi khảo sát là các từ và cụm từ được trích xuất từ các cuốn từ điển kinh tế thương mại và một số nguồn ngữ liệu khác bao gồm các giáo trình, tài liệu tham khảo chuyên ngành kinh tế thương mại. Do đó, từ vựng trong ngữ liệu khảo sát là những từ, cụm từ được sử dụng trong ngữ cảnh và diễn ngôn thương mại.

- *Tiêu chí nội dung*: Thuật ngữ kinh tế thương mại là các từ và cụm từ định danh biểu đạt chính xác các khái niệm, thuộc tính, đối tượng, sự vật, hiện tượng chuyên ngành thuộc 05 phạm trù tiêu biểu nhất của lĩnh vực thương mại, bao gồm: (1) chủ thể (người) tham gia hoạt động thương mại; (2) phương tiện thanh toán; (3) hoạt động mua bán và trao đổi hàng hóa; (4) địa điểm, cơ quan nơi diễn ra hoạt động; và (5) chứng từ.

3. Phương pháp nghiên cứu và ngữ liệu nghiên cứu

3.1. Ngữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát các kiểu tương đương dịch các thuật ngữ kinh tế thương mại. Nguồn ngữ liệu gồm 915 thuật ngữ tiếng Anh và các thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt, được trích rút từ các cuốn từ điển thuật ngữ kinh tế thương mại Anh - Việt, bao gồm *Từ điển thuật ngữ kinh tế - thương mại Anh - Việt* [11], *Từ điển kinh tế - thương mại Anh - Việt* [2]. Ngoài ra, để đảm bảo sự phong phú và cập nhật của hệ thuật ngữ kinh tế thương mại hiện nay, nghiên cứu đã thu thập thêm nguồn ngữ liệu từ một số giáo trình, sách chuyên khảo chuyên ngành kinh tế thương mại phiên bản tiếng Anh và các bản dịch tương đương trong tiếng Việt để có những đánh giá toàn diện và đa chiều về tương đương dịch thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt hiện nay.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp, thủ pháp như sau: (1) *Phương pháp miêu tả*: phương pháp này được sử dụng để miêu tả các vấn đề liên quan đến tương đương dịch thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt; (2) *Thủ pháp thống kê, phân loại* được sử dụng để tìm hiểu số lượng, tỉ lệ phần trăm của các kiểu tương đương dịch thuật giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Kết quả thống kê sẽ được tổng hợp lại dưới hình thức của bảng biểu, các con số thông qua các mô hình hay tỉ lệ phần trăm.

4. Kết quả nghiên cứu

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu về tương đương dịch thuật xét theo hình thức cấu tạo, tức là dựa trên hình thức và số lượng các phần tương đương.

4.1. Tương đương thuật ngữ kinh tế thương mại Anh - Việt xét theo đơn vị cấu tạo

a. Tương đương từ//từ

Tương đương từ//từ là tương đương giữa một thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh có hình thức là từ khi chuyển dịch sang tiếng Việt cũng có một thuật ngữ tương đương là từ. Trong tổng số 915 thuật ngữ được khảo sát có 105 đơn vị, chiếm 11,48%. Trong đó 11 thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng

Anh là từ đơn tương ứng với thuật ngữ tiếng Việt là từ đơn như *buy* - “mua”, *sell* - “bán”, *capital* - “vốn”, ...; 63 thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh là từ đơn tương ứng với thuật ngữ tiếng Việt là từ ghép, ví dụ: *distribution* - “phân phối”, *pricing* - “định giá”, *turnover* - “doanh thu”, ...; 31 thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép tương ứng với thuật ngữ tiếng Việt là từ ghép, ví dụ: *wholesales* - “bán sỉ/ bán buôn”, *shareholder* - “cổ đông”, *buyback* - “mua lại”, v.v...

b. Tương đương từ//ngữ

Đây là kiểu tương đương trong đó một thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh có hình thức là từ được chuyển dịch sang tiếng Việt là thuật ngữ có cấu tạo là một ngữ (cụm từ). Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy, có 98 thuật ngữ kinh tế thương mại dịch sang tiếng Việt là ngữ, chiếm 10,71% trong tổng số thuật ngữ được khảo sát. Một số ví dụ điển hình như *trademark* - “nhãn hiệu thương mại”, *salesmanship* - “nghệ thuật bán hàng”, *doorcrasher* - “chiến lược hàng giảm giá sốc”, *doorbuster* - “chiến lược hàng giảm giá sốc”, *entrepreneurship* - “khả năng làm chủ của doanh nghiệp”, *cross-docking* - “phương pháp gom hàng nhanh tại kho”, *duopsony* - “thị trường nhị quyền mua”, *duopoly* - “thị trường nhị quyền bán”, v.v...

c. Tương đương ngữ//từ

Tương đương ngữ//từ được hiểu là một thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh là ngữ có một thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Việt tương đương dịch là từ. Trong tổng số 915 thuật ngữ được khảo sát chỉ có 19 đơn vị, chiếm 2,07%, trong đó tất cả các thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt đều là các từ ghép. Ví dụ như *interest rate* - “lãi suất”, *grain bill* - “hối phiếu”, *focal point* - “tiêu điểm”, *market share* - “thị phần”, *business man* - “thương nhân”, *temporary advance* - “tạm ứng”, *accrual basic* - “lũy kế”, v.v...

d. Tương đương ngữ//ngữ

Tương đương ngữ//ngữ được hiểu là một thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh là ngữ có một thuật ngữ tiếng Việt tương đương dịch là ngữ. Việc chuyển dịch thuật ngữ kinh tế thương mại Anh - Việt cần chú ý tới cấp độ tương đương cụm từ. Bởi vì có nhiều thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ cố định tương ứng với thuật ngữ tiếng Việt là cụm từ cố định. Trong số thuật ngữ được khảo sát có 693 đơn vị, chiếm 75,74%, ví dụ: *business dispute* - “tranh chấp thương mại”, *business ecology* - “hệ sinh thái doanh nghiệp”, *business model* - “mô hình kinh doanh”, *economic bubble* - “bong bóng kinh tế”, *economic growth rate* - “tốc độ tăng trưởng kinh tế”, *emerging market* - “thị trường mới nổi”, v.v...

Kết quả khảo sát kiểu tương đương dịch thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt theo đơn vị cấu tạo thuật ngữ được trình bày tóm tắt trong bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 1. Kiểu tương đương thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt theo đơn vị cấu tạo

STT	Kiểu tương đương	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tương đương từ//từ	105	11,48
2	Tương đương từ//ngữ	98	10,71
3	Tương đương ngữ//từ	19	2,07
4	Tương đương ngữ//ngữ	693	75,74
	Tổng	915	100

Như vậy có thể thấy, xét theo đơn vị cấu tạo thì thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt có 4 hình thức tương đương, trong đó hình thức tương đương ngữ//ngữ chiếm tỉ lệ cao nhất, với 75,74% thuật ngữ là các cụm từ (ngữ) trong tiếng Anh có thuật ngữ tương đương cũng là các cụm từ trong tiếng Việt. Hình thức tương đương ngữ // từ là hình thức ít phổ biến nhất trong chuyển dịch thuật

ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh sang tiếng Việt, chỉ chiếm 2,07%. Điều đáng ngạc nhiên là, các thuật ngữ tiếng Việt có xu hướng động từ hóa, ví dụ thuật ngữ *sales distribution* (phân phối bán hàng), trong đó 2 yếu tố cấu tạo trong tiếng Anh (*sales* và *distribution*) là danh từ, trong khi các yếu tố trong thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt (*phân phối* và *bán hàng*) là động từ, *cost-competitive* là tính từ, được dịch sang tiếng Việt là một cụm động từ có nghĩa là *cạnh tranh về giá*, v.v...

4.2. Phân loại tương đương thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt theo số lượng thuật ngữ tương đương

Dựa trên kết quả khảo sát và phân tích ngữ liệu, nghiên cứu đã xác định các kiểu tương đương dịch theo số lượng đơn vị tương đương của hệ thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt như sau:

a. Tương đương 1//1

Tương đương dịch 1//1 là kiểu tương đương trong đó một thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh tương đương với một thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Việt. Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy, đây là hình thức tương đương chiếm tỉ trọng cao nhất khi trong tổng số 915 thuật ngữ kinh tế thương mại được khảo sát có đến 627 thuật ngữ tiếng Anh và tiếng Việt tương đương dịch theo kiểu này, chiếm 68,52%. Một số ví dụ điển hình như sau: *consumer price index* - “chỉ số giá tiêu dùng”, *cost curve* - “đường cong chi phí”, *customer service* - “dịch vụ khách hàng”, *dark trading* - “giao dịch ngầm”, *direct cost* - “chi phí trực tiếp”, *distribution centre* - “trung tâm phân phối”, *business contract* - “hợp đồng thương mại”, *capital injection* - “rót vốn”, *competitive position* - “vị thế cạnh tranh”, *cost distribution* - “phân bổ chi phí”, *customer data* - “dữ liệu khách hàng”, *market access* - “tiếp cận thị trường”, v.v...

b. Tương đương 1//nhiều

Tương đương dịch 1//nhiều là kiểu tương đương theo đó một thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh có nhiều hơn một từ hoặc hơn một ngữ tương đương trong tiếng Việt. Kiểu tương đương chuyên dịch thuật ngữ kinh tế thương mại Anh-Việt này tạo ra nhiều từ đồng nghĩa hay biến thể thuật ngữ trong tiếng Việt, có thể phá vỡ tính đơn nghĩa của thuật ngữ. Trong tổng số 915 thuật ngữ được khảo sát có 135 đơn vị có kiểu tương đương dịch này, chiếm 14,75%. Đi sâu vào phân tích ngữ liệu cho thấy, nhiều thuật ngữ tiếng Anh có 2 hoặc 3 thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt, ví dụ như: *distribution channel* - “hệ thống phân phối/ kênh phân phối”, *dormant company* - “công ty hữu danh vô thực/ công ty không hoạt động”, *consumption* - “tiêu dùng/ tiêu thụ”, *cash flow* - “lưu kim/ dòng tiền/ dòng tiền mặt”, *chairman* - “chủ tịch/ hội trưởng/ người chủ tọa”, *counterfeiting* - “hàng giả/ hàng nhái/ giả mạo”, *cost behavior* - “hình thái chi phí/ hành vi chi phí/ cách ứng xử của chi phí”. Bên cạnh đó, cũng có một số thuật ngữ có nhiều hơn 3 thuật ngữ tiếng Việt tương đương như: *competitive intelligence* - “tin tức cạnh tranh/ thông tin cạnh tranh/ tình báo cạnh tranh/ tin tức tình báo về cạnh tranh”, thuật ngữ *allowance* được dịch sang tiếng Việt với nhiều khái niệm như “trợ giá/ tiền trợ cấp/ bớt giá/ dung sai/ tiền chiết khấu/ tiền trợ cấp/ tiền khấu trừ”, hay thuật ngữ *business* có thể được dịch là “kinh doanh, chức vụ, công tác, công việc, công việc kinh doanh, cửa hiệu, doanh nghiệp, hãng, nghiệp vụ, sự kiện, thương nghiệp, trách nhiệm, vấn đề, xí nghiệp”, v.v...

c. Tương đương nhiều//1

Tương đương dịch nhiều//1 được hiểu là nhiều thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh (các biến thể thuật ngữ) cùng chỉ một khái niệm và được dịch sang tiếng Việt với chỉ một thuật ngữ tương đương. Trong tổng số 915 thuật ngữ tiếng Anh được khảo sát chỉ có 87 đơn vị có kiểu tương đương dịch này, chiếm 9,51%. Kiểu tương đương dịch này có thể giúp đảm bảo tính đơn nghĩa của thuật ngữ trong

tiếng Việt. Một số ví dụ điển hình như: *click-and-mortar/ clicks-and-bricks* = “mô hình kinh doanh đa kênh (kết hợp trực tuyến và ngoại tuyến)”, *goods/ commodity/ merchandise* = “hàng hóa”, *doorbuster/ doorcrasher/ doormasher* = “chiến lược hàng giảm giá sốc”, *economic downturn/ economic recession* = “suy thoái kinh tế”, *customer/ client* = “khách hàng”, *cusomer insight/ customer intimacy* = “thấu hiểu khách hàng”, v.v... Các động từ, tính từ, danh từ tiếng Anh thường được dịch giống nhau trong tiếng Việt, ví dụ: *competition, competitive, compete* đều được dịch là “cạnh tranh”.

d. Tương đương nhiều//nhiều

Tương đương dịch nhiều//nhiều là kiểu tương đương trong đó nhiều thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh cùng chỉ một khái niệm, khi chuyển dịch sang tiếng Việt cũng có nhiều thuật ngữ tương đương, các thuật ngữ này là các thuật ngữ đồng nghĩa, có thể được sử dụng thay thế nhau trong một số ngữ cảnh nhất định, đây chính là hiện tượng biến thể thuật ngữ. Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy, trong tổng số 915 thuật ngữ tiếng Anh có 66 đơn vị có kiểu tương đương dịch này, chiếm 7,21%. Một số ví dụ như sau: *family brand/ umbrella brand* được dịch là “thương hiệu mẹ/ thương hiệu ô dù/ thương hiệu gia đình”, *company/ firm/ enterprise* có các thuật ngữ tương đương như “công ty/ doanh nghiệp/ hãng/ hội buôn”, *businessman/ businessperson* có thể dịch là “doanh nhân/ thương gia”, v.v...

Dưới đây là bảng tổng hợp về các kiểu tương đương dịch thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt theo số lượng thuật ngữ tương đương:

Bảng 2. Các kiểu tương đương thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt theo số lượng đơn vị tương đương

STT	Kiểu tương đương	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tương đương 1//1	627	68,52
2	Tương đương 1//nhiều	135	14,75
3	Tương đương nhiều//1	87	9,51
4	Tương đương nhiều//nhiều	66	7,21
	Tổng	915	100

Như chúng ta có thể thấy trong Bảng 2, xét theo số lượng thuật ngữ tương đương, thì kiểu tương đương 1//1 chiếm tỉ lệ cao nhất, với 68,52% thuật ngữ tiếng Anh có 1 đơn vị tương đương trong tiếng Việt. Đứng ở vị trí thứ hai là phương thức dịch trong đó 1 thuật ngữ tiếng Anh có nhiều thuật ngữ tương đương trong tiếng Việt, chiếm 14,75% trong tổng số thuật ngữ được khảo sát. Các kiểu tương đương còn lại xuất hiện với tỉ lệ thấp hơn, với 9,51% đơn vị thuật ngữ Anh - Việt tương đương theo kiểu nhiều//1 và 7,21% đơn vị tiếng Anh tương đương với tiếng Việt theo kiểu nhiều//nhiều.

5. Kết luận

Dựa trên khung lí thuyết về tương đương dịch thuật ngữ, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát các kiểu tương đương dịch thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt. Xét về tương đương thuật ngữ theo đơn vị cấu tạo, kết quả phân tích ngữ liệu nghiên cứu chỉ ra 04 kiểu tương đương dịch: tương đương từ//từ, tương đương từ//ngữ, tương đương ngữ//từ, và tương đương ngữ//ngữ. Trong các kiểu tương đương này thì tương đương ngữ // ngữ chiếm tỉ lệ cao nhất, kiểu tương đương ngữ // từ có số đơn vị khiêm tốn nhất. Về các kiểu tương đương dịch theo số lượng tương đương của hệ thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt, nghiên cứu đã chỉ ra 04 kiểu tương đương, trong đó kiểu tương đương 1//1 là kiểu tương đương phổ biến nhất. Điều này cho thấy phần lớn tương đương giữa thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và thuật ngữ tiếng Việt đạt được sự lí tưởng trong dịch thuật ngữ. Kiểu tương đương nhiều//nhiều có số lượng ít nhất trong khối ngữ liệu được khảo sát. Nghiên cứu cũng đưa ra hàm ý nên áp dụng kiểu tương đương nhiều//1 để đảm bảo tính đơn nghĩa của thuật ngữ.

Hạn chế của nghiên cứu này là chỉ mới tập trung tìm hiểu về tương đương dịch thuật xét theo hình thức cấu tạo, tức là dựa trên hình thức và số lượng các phần tương đương. Các nghiên cứu trong tương lai có thể tìm hiểu về tương đương dựa trên ý nghĩa hay tương đương dựa theo chức năng, từ đó có thể lấp đầy khoảng trống nghiên cứu về tương đương dịch thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Anh và tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Đức Đạo, *Đối chiếu thuật ngữ báo chí Anh - Việt và chuyển dịch thuật ngữ báo chí tiếng Anh sang tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018.
2. Trần Văn Chánh, *Từ điển kinh tế - thương mại Anh - Việt*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2008.
3. Nguyễn Hồng Côn, *Các phương pháp và thủ pháp dịch thuật (Methods and Procedures of Translation) 1, (Những vấn đề ngôn ngữ học)*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Võ Thị Mỹ Hạnh, *Thuật ngữ công tác xã hội tiếng Anh và cách chuyển dịch sang tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.
5. Nguyễn Thị Thủy Hạnh, *Nghiên cứu hiện tượng trái nghĩa trong thuật ngữ kinh tế thương mại Tiếng Anh*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 8 (394), 2023, tr.52-59.
6. Nguyễn Thị Thủy Hạnh, *Các phương thức chuyển dịch thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành kinh tế thương mại sang tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, số 8(357), 2024, tr.77-84.
7. Đỗ Thị Thu Nga, *Khảo sát đối chiếu chuyển dịch thuật ngữ tài chính Anh - Việt (trên văn bản chuyên ngành tài chính)*, Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 2018.
8. Vũ Đức Nghiệu, *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2011.
9. Lê Hùng Tiến, *Tương đương dịch thuật và tương đương trong dịch Anh- Việt*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ 26, 2010, tr.141-150.
10. Nguyễn Đức Tú, *Đặc điểm thuật ngữ thủy sản tiếng Anh và các tương đương trong tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2022.
11. Đỗ Hữu Vinh, *Từ điển thuật ngữ kinh tế - thương mại Anh-Việt*, NXB Giao thông Vận tải, Thành phố Hồ Chí Minh, 2009.

Tiếng Anh

12. Baker, M., *Encyclopedia of translation studies*, London: Routledge, 2000.
13. Catford, J. A., *linguistic theory of translation: An Essay in Applied linguistics*, London Oxford University Press, 1965.
14. Gumanova, G., *An analysis of term-formation processes as employed in English and Slovak versions of the EU texts in the concept of equivalence (a case study)*, English Matters VII, 2016, pp.17-32.
15. Felber H., *Terminology Manual*, Paris: UNESCO/Infoterm, 1984.
16. Hernández, D.G., *Terminology and French-Spanish business translation: evaluating terminology resources for the translation of accounting documents*, MonTI 6trans, 2014, DOI: <https://doi.org/10.6035/MONTI.2014.6.5>
17. L'Homme, M.C., *Lexical Semantics for Terminology: An introduction*, (Terminology and Lexicography Research and Practice, 20), John Benjamins Publishing Company, 2020.
18. Nida, E. A., & Taber, C. R., *Theory and Practice of Translation*, Leiden: Brill, 1969.
19. Orčić L., & Gorčević, A. R. *Metaphors in terminological collocations in English language and their equivalents in Serbian*, in Zbornik Radova Filozofskog Fakulteta u Prištini, 2017, pp.199-215(17). DOI: <https://doi.org/10.5937/ZRFFP47-12461>
20. Silaški, N., *Economic Terminology In Serbian And Croatian: A Comparative Analysis Of Anglicisms*, Facta Universitatis, Series: Linguistics and Literature 7(1), 2009, pp.75-86.
21. Silaški, N. & Kilyeni, A., *Translating metaphorical economic terms from English into Serbian - some strategies and challenges*, International conference Philological research today - language, literature and communication, Faculty of Philology, University of Belgrade, 2010.
22. Sinclair, J., *Collins concise dictionary*, Collins, Glasgow, 2001.